# MASTER LEDspot LV AR111

## MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D

Nhờ thiết kế mới phù hợp hoàn hảo, Master LEDspot LV AR111 tương thích với hầu hết các bộ đèn G53 như một giải pháp nâng cấp đích thực. Đèn mang lại hiệu ứng thị giác tuyệt vời phù hợp cho sử dụng trong cửa hàng bán lẻ và khách sạn, phòng trưng bày và triển lãm. Ánh sáng chất lượng cao mang đến màu sắc chân thực và tôn lên vẻ đẹp cho hàng hóa. Đèn hoạt động bền bỉ, duy trì quang thông mạnh mẽ, bảo toàn màu sắc tốt. Đèn được thiết kế tinh xảo, tạo ra chùm sáng sắc nét với đa dạng góc chùm sáng, phù hợp với nhiều ứng dụng khác nhau. Không chỉ áp dụng giải pháp được cấp bằng sáng chế của Philips để đảm bảo tương thích với nhiều loại biến thế điện tử halogen tiêu chuẩn 12V, đèn còn mang lại cường độ chiếu sáng cao tương đương với đèn halogen AR111 50W, 75W hoặc 100W.

### Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung | |
|---|---|
| **Đế đui đèn** | G53 [G53] |
| **Tuổi thọ danh định** | 40.000 h |
| **Chu kỳ bật/tắt** | 50.000 |
| **Công nghệ chiếu sáng** | LED |
| **Tuân thủ tiêu chuẩn RoHS châu Âu** | Có |

| Thông tin kỹ thuật về đèn | |
|---|---|
| **Mã màu** | 927 |
| **Góc chùm sáng (Danh định)** | 40 ° |
| **Quang thông** | 620 lm |
| **Cường độ sáng (Danh định)** | 1.100 cd |
| **Ký hiệu màu sắc** | Trắng ấm (WW) |
| **Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)** | 2700 K |
| **Quang hiệu (định mức) (Danh định)** | 56,36 lm/W |
| **Độ đồng nhất màu sắc** | <6 |
| **Chỉ số hoàn màu (CRI)** | 90 |
| **LLMF khi kết thúc tuổi thọ danh định (Danh định)** | 70 % |
| **Quang thông trong nón 90° (Định mức)** | 550 lm |

| Vận hành và điện | |
|---|---|
| **Tần số dòng** | - Hz |
| **Tần số đầu vào** | - Hz |
| **Mức tiêu thụ điện** | 11 W |
| **Dòng điện bóng đèn (Danh định)** | 1.300 mA |
| **Công suất tương đương** | 50 W |
| **Thời gian khởi động (Danh định)** | 0,5 s |
| **Thời gian khởi động đạt đến 60% độ sáng** | sáng hết công suất tức thì s |
| **Hệ số công suất (Tỷ lệ)** | 0.7 |

# MASTER LEDspot LV AR111

| | |
|---|---|
| **Điện áp (Danh định)** | 12 V |
| **Nhiệt độ** | |
| **Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)** | 70 °C |
| **Điều khiển và điều chỉnh độ sáng** | |
| **Có thể điều chỉnh độ sáng** | Có |
| **Cơ khí và vỏ đèn** | |
| **Hình dạng bóng đèn** | AR111 |
| **Phê duyệt và ứng dụng** | |
| **Phù hợp với chiếu sáng tạo điểm nhấn** | Có |
| **Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h** | 13 kWh |

| **Dữ liệu sản phẩm** | |
|---|---|
| **Tên sản phẩm khác** | MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D |
| **Tên sản phẩm đầy đủ** | MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D |
| **Mã sản phẩm đầy đủ** | 871869651512900 |
| **Mã đơn hàng** | 929001170008 |
| **Số vật liệu (12NC)** | 929001170008 |
| **Phần tử - Số lượng trên một bộ** | 1 |
| **EAN/UPC - Sản phẩm/Hộp** | 8718696515129 |
| **Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài** | 6 |
| **EAN/UPC - Vỏ** | 8718696515136 |

## Bản vẽ kích thước

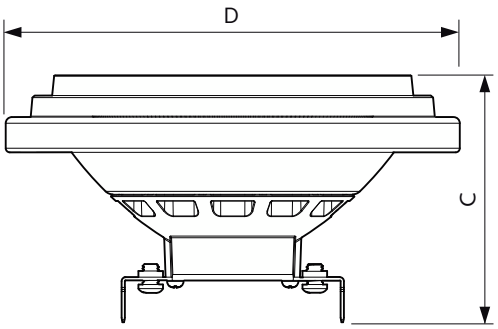


| Product | D | C |
|---|---|---|
| MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D | 111 mm | 62 mm |

## Dữ liệu phân bổ ánh sáng

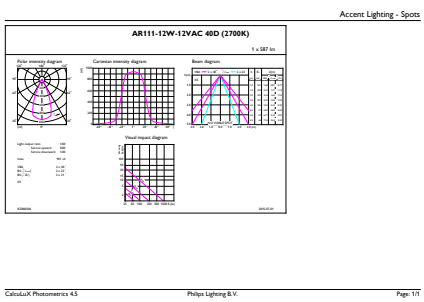


Accent Lighting Spots - MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D

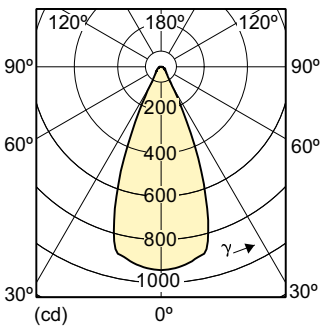


Light Distribution Diagram - MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D

# MASTER LEDspot LV AR111

## Dữ liệu phân bổ ánh sáng

**Spectral Power Distribution Colour - MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D**

## Tuổi thọ

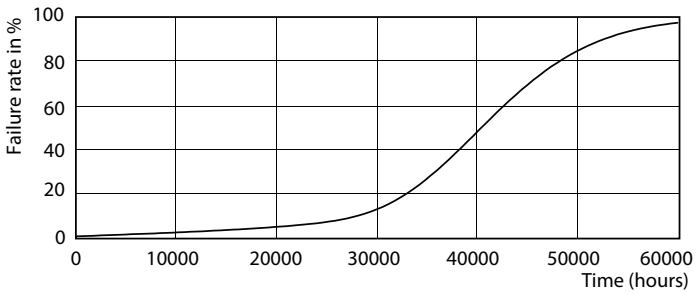


**Life Expectancy Diagram - MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D**

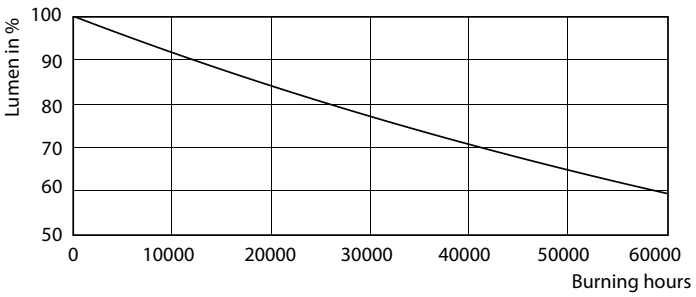


**Lumen Maintenance Diagram - MAS LEDspotLV D 11-50W 927 AR111 40D**

© 2023 Signify Holding Mọi quyền được bảo lưu. Signify không đưa ra bất kỳ tuyên bố hay bảo đảm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin nêu trong này và sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ hành động nào dựa vào những thông tin đó. Thông tin được trình bày trong tài liệu này không phải là sự chào mời bán hàng và không cấu thành một phần của bất kỳ báo giá hay hợp đồng nào, trừ khi được Signify đồng ý. Philips và Biểu tượng tấm khiên Philips là các thương hiệu đã đăng ký của Koninklijke Philips N.V.